**TUẦN 29**

**THỨ 2**

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày soạn: 28/03/2025 | Ngày dạy : 31/03/2025  Ngày điều chỉnh:……………. |

**BUỔI SÁNG**

**TIẾT 1: HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM**

**SINH HOẠT DƯỚI CỜ :**

**PHÁT ĐỘNG PHONG TRÀO “NHÂN ÁI, SẺ CHIA”**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức kĩ năng**

- Biết được nội dung phong trào “Nhân ái, sẻ chia”.

- Có ý thức tích cực, sẵn sàng tham gia các hoạt động liên quan.

- Biết được nội dung phong trào rèn nề nếp trong học tập và sinh hoạt.

- Vui vẻ tham gia phong trào rèn nền nếp trong học tập và sinh hoạt.

**2. Phẩm chất**

- Tự tin, đoàn kết,yêu quý cảnh đẹp quê hương đất nước.Nâng cao tinh thần hiếu học, tính tích cực hoạt động của học sinh. Nhân ái yêu thương bạn bè

**3. Năng lực**

- Hình thành và phát triển năng lực tự chủ, giao tiếp và hợp tác, năng lực ngôn ngữ.

**II. CHUẨN BỊ:**

- Ghế, mũ cho HS khi sinh hoạt dưới cờ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG TIẾN HÀNH:**

+ Ổn định tổ chức.

+ Chỉnh đốn trang phục, đội ngũ

+ Đứng nghiêm trang

+ Thực hiện nghi lễ chào cờ, hát Quốc ca

+ Tuyên bố lí do, giới thiệu thành phần dự lễ chào cờm chương trình của tiết chào cờ.

+ Nhận xét và phát động các phong trào thi đua của trường.

+ Thời gian của tiết chào cờ : là hoạt động sinh hoạt tập thể được thực hiện thường xuyên vào đầu tuần.

+ Ý nghĩa của tiết chào cờ : giáo dục tình yêu tổ quốc, củng cố và nâng cao kiến thức, rèn luyện kĩ năng sống, gắn bó với trường lớp, phát huy những gương sáng trong học tập và rèn luyện, nâng cao tinh thần hiếu học, tính tích cực hoạt động của học sinh.

+ Một số hoạt động của tiết chào cờ:

\* Thực hiện nghi lễ chào cờ

\* Nhận xét thi đua của các lớp trong tuần

\* Tổ chức một số hoạt động trải nghiệm cho học sinh.

\* Góp phần giáo dục một số nội dung : An toàn giao thông, bảo vệ môi trường, kĩ năng sống, giá trị sống.

\* Gợi ý cách tiến hành

- Nhà trường/GV Tổng phụ trách Đội phát động phong trào “Nhân ái, sẻ chia cho HS với các nội dung chính sau:

- Chủ đề của phong trào: Tích cực tham gia các hoạt động thiện nguyện, chia sẻ với các bạn vùng khó khăn.

- Mục đích của phong trào là động viên HS tình nguyện, nhiệt tình, kịp thời đóng góp, giúp đỡ các bạn vùng khó khăn.

- Nhà trường phổ biến nội dung, hình thức và kế hoạch triển khai thực hiện phong trào.

- Hướng dẫn các lớp triển khai, động viên HS tham gia phong trào “Nhân ái, sẻ chia” và chuẩn bị cho kế hoạch thực hiện..

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TIẾT 2: TOÁN**

**PHÉP CỘNG DẠNG 25 + 4, 25 + 40 (tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức kĩ năng**

- Biết cách đặt tính và thực hiện phép cộng trong phạm vi 100 (cộng không nhớ dạng 25 + 4; 25 + 40).

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

**2. Phẩm chất**

**-** Góp phần hình thành và phát triển phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực

**3. Năng lực**

**-** Góp phần hình thành và phát triển các NL toán học: NL giao tiếp toán học, NL tư duy và lập luận toán học, NL giải quyết vấn đề toán học

**II. CHUẨN BỊ**

- Các thẻ thanh chục và khối lập phương rời như SGK hoặc các thẻ chục que tính và các thẻ que tính rời trong bộ đồ dùng học toán; bảng con.

Một số tình huống đơn giản có liên quan đến phép cộng trong phạm vi 100.

- Bảng con, SGK, Vở ghi

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG DẠY** | **HOẠT ĐỘNG HỌC** |
| **I.Hoạt động khởi động (5P)**  - KT bài cũ  Đặt tính rồi tính   |  |  |  | | --- | --- | --- | | 46 + 3 | 83 + 5 | 64 + 5 |   - GV chữa bài | - HS làm bảng con |
| **II.Hoạt động hình thành kiến thức (5-7P)**  - GV hướng dẫn mâu phép tính:  25 + 40 |  |
| + Đặt tính.  + Thực hiện tính từ phải sang trái:  5 cộng 0 bằng 5, viết 5.  2 cộng 4 bằng 6, viết 6  + Vậy 25 + 40 = 65.  GV chốt lại cách thực hiện, đề nghị một vài HS chỉ vào phép tính nhắc lại *cách tính.* | - HS quan sát  - HS nêu cách tính |
| - GV viết một phép tính khác lên bảng, chẳng hạn 53 + 20 = ?  HS đổi bảng con nói cho bạn bên cạnh nghe cách đặt tính và tính của mình.  ***Lưu ý:*** GV có thể đưa ra một số phép tính đặt tính sai hoặc đặt tính đúng nhung tính sai để nhắc nhở HS tránh những lồi sai đó. | - HS lấy bảng con cùng làm với GV từng thao tác: đặt tính, cộng từ phải sang trái, đọc kết quả. |
| **C. Hoạt động thực hành, luyện tập (17-20P)** |  |
| **Bài 2**  HS đặt tính rồi tính và ghi kết quả vào vở.  GV chữa bài, chỉnh sửa các lỗi đặt tính và tính cho HS. | - HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe. |
| **Bài 3**  HS quan sát mẫu, nói cách thực hiện phép tính dạng 25 + 40.  GV chốt lại quy tắc cộng từ phải sang trái, viết kết quả thẳng cột. | + Đọc yêu cầu: 25 + 40 = ?  + Đặt tính (thẳng cột).  + Thực hiện tính từ phải sang trái:  5 cộng 0 bằng 5, viết 5.  2 cộng 4 bằng 6, viết 6.  + Vậy 25 + 40 = 65. |
| **Bài 4**  - GV chữa bài, chỉnh sửa các lỗi đặt tính và tính cho HS. | - HS đặt tính rồi tính.  - HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe. |
| **D. Hoạt động vận dụng (6-7P)**  **Bài 5**  - HDHS thảo luận với bạn cùng cặp hoặc cùng bàn về cách trả lời câu hỏi bài toán đặt ra (quyết định lựa chọn phép cộng hay phép trừ để tìm câu trả lời cho bài toán đặt ra, tại sao).    - GV nhận xét  - HDHS tìm một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép cộng đã học. Chẳng hạn: Huyền có 23 quyển truyện, mẹ mua thêm cho Huyền 3 quyển truyện nữa. Hỏi Huyền có tất cả bao nhiêu quyển truyện? | - HS đọc bài toán, nói cho bạn nghe bài toán cho biết gì, bài toán hỏi gì.  - Phép tính: 25 + 20 = 45.  Trả lời: Mẹ làm được tất cả 45 chiếc bánh. |
| **E. Củng cố, dặn dò (3-5P)**  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - Khi đặt tính và tính em nhắn bạn càn lưu ý những gì?  - GV đưa ra các phép tính, chẳng hạn: 24 + 1; 75 + 1; ...  - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng đã học, đặt ra bài toán cho mỗi tình huống đỏ để hôm sau chia sẻ với các bạn. | - HSTL    - HS nêu các cách tính. |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TIẾT 4: ÔN TV**

**RÈN TIẾNG VIỆT**

**LUYỆN ĐỌC VIẾT**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

- Củng cố và nâng cao một số kiến thức, kĩ năng đã học, viết trong bài thông qua việc đọc đúng, rõ ràng các bài: *Chú bé chăn cừu….*. Thông qua hoạt động viết GV đọc cho học sinh viết lại một đoạn ngắn.

**II. CHUẨN BỊ**

- GV: Phương tiện dạy học SGV

- HS: SGK, VBT, vở ghi

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Đọc lại các bài tập đọc đã học trong tuần.**  - GV hướng dẫn học sinh luyện đọc từng bài.  - Mỗi bài khoảng 3- 4 em đọc theo yêu cầu của giáo viên.  **2. Viết**  - Nghe viết một đoạn trong bài đã học  - GV đọc cho HS nghe viết.  - GV đọc lại cho HS soát lỗi  **3. Làm bài tập**  - Cho HS điền chữ hoặc vần  + GV đưa ra một số dạng bài tập điền chữ hoặc điền vần cho HS làm  - GV theo dõi hướng dẫn HS làm  **4. Củng cố dặn dò**  - GV nhận xét tiết học | - HS luyện đọc theo hướng dẫn của GV  - HS nghe viết  - HS làm bài tập |

============================

**THỨ 3**

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày soạn: 28/03/2025 | Ngày dạy : 01/04/2025  Ngày điều chỉnh:……………. |

**TIẾT 1+ 2: TIẾNG VIỆT**

**BÀI 1: LOÀI CHIM CỦA BIỂN CẢ (tiết 1+2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức kĩ năng**

- **Phát triển kĩ năng đọc** thông qua việc đọc đúng, rõ ràng một VB thông tin đơn giản và ngắn; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến VB; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận tử tranh được quan sát.

- **Phát triển ki năng viết** thông qua hoạt động viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc; hoàn thiện cảu dựa vào những từ ngữ cho sản và viết lại đúng cặu đã hoàn thiện; nghe viết một con ngắn,

- **Phát triển kĩ năng nói và nghe** thông qua trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh.

**2.Phẩm chất**

- Góp phần hình thành và phát triển phẩm chất: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**3. Năng lực**

- Góp phần hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ; năng lực tự chủ, tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Kiến thức ngữ văn**

- GV nắm được đặc điểm VB thông tin (không có yếu tố hư cấu, có mục đích chính là cung cấp thông tin) và nội dung của VB *Loài chim của biển cả.*

- GV nắm được nghĩa của các từ ngữ khó trong VB (sả/ *cánh, đại dương, màng, dập dềnh, bão)* và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

**2. Kiến thức đời sống**

- GV nắm được những kiến thức thực tế về chim hải âu. Hải âu chủ yếu sống trên mặt biển, bay trên mặt biển và nghỉ ngơi cũng trên mặt biển. Loài chim này có sải cánh dài tới 4 - 4,5 m. Sải cánh dài nhưng nhỏ và hẹp khiến chúng bay rất tài. Hải âu thường bay theo tàu biển để kiếm thức ăn. Guồng quay của con tàu làm bắn cá lên, hải âu kiếm cá ở đó. Những người lái tàu coi hải âu là điềm lành nên cũng thường lấy cá cho hải âu ăn. Do vậy, hải âu được xem là bạn của những người đi biển.

- GV có thể thu thập thêm thông tin về hải âu trong *Từ điển tranh về các con vật* của Lê Quang Long hoặc trên Internet.

**3. Phương tiện dạy học**

- Tranh minh hoạ có trong SHS được phóng to hoặc máy tính có phần mềm phù hợp, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh. Có thể Sưu tầm thêm những tranh đẹp về chim hải âu. Chuẩn bị tranh minh hoạ (chân vịt có màng) để giải thích nghĩa của từ màng.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động: (4 - 5')**  - Cho HS đọc lại bài : Tiếng vọng của núi và trả lời câu hỏi về nội dung bài.  - GV nhận xét  - GV yêu cầu HS quan sát tranh và trao đổi nhóm để trả lời câu hỏi.  - GV và HS thống nhất nội dung câu trả lời, sau đó dẫn vào bài đọc Loài chim của biển cả. (VD: *Nhìn chung, loài cá biết bơi thì không biết bay, còn loài chim biết bay thì không biết bơi. Nhưng có một loài chim rất đặc biệt: vừa biết bay vừa biết bơi. Mà đặc biệt hơn là ở chỗ loài chim này vừa bay giỏi, vừa bơi tài. Đó là chim hải âu.)*  **2. Đọc (29 – 30’)**  - GV đọc mẫu toàn VB.  - GV hướng dẫn HS luyện phát ầm một số từ ngữ có vần mới khó: *(oai, iên, iêt.....)*  + GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi để tìm từ ngữ có tiếng chứa vần mới khó trong bài:  + GV đưa những từ ngữ này lên bảng và hướng dẫn HS đọc. GV đọc mẫu lần lượt từng vần và từ ngữ chứa vần đó, HS đọc theo đồng thanh.  **- Đọc câu:**  + GV yêu cầu HS đọc từng câu nối tiếp lần 1.  + GV hướng dẫn HS đọc những cầu dài.:  *Hải âu còn bơi rất giỏi/ nhờ chân của chúng có màng, như chân vịt.*  + GV yêu cầu HS đọc nối tiếp câu lần 2  **- Đọc đoạn:**  + GV chia VB thành các đoạn  Đoạn 1: từ đầu đến *có màng như chân vịt,*  Đoạn 2: phần còn lại.  - GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài:  *sải cánh:* độ dài của cánh.  *đại dương:* biển lớn.  *dập dềnh:* chuyển động lên xuống nhịp nhàng trên mặt nước  *bão:* thời tiết bất thường, có gió mạnh và mưa lớn. Có thể giải thích thêm nghĩa của từ *chúng* trong văn bản: *chúng* được dùng để thay cho *hải âu.* Riêng từ *màng* (phẩn da nối các ngón chân với nhau), GV nên sử dụng tranh minh hoạ (có thể dùng tranh về chân con vịt) để giải thích.)  + GV yêu cầu HS đọc đoạn theo nhóm.  **- Đọc toàn VB:**  + GV đọc lại toàn VB và chuyển tiếp sang phần trả lời cầu hỏi. | - 1,2 HS đọc và TLCH về nội dung bài.  - Một số (2 - 3) HS trả lời câu hỏi. Các HS khác có thể bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đầy đủ hoặc có câu trả lời khác (Chủ yếu nhấn vào ý chim biết bay, cá biết bơi).  + HS theo dõi.    + HS nhắc lại đồng thanh tên bài.  - HS lắng nghe.  + HS làm việc nhóm đôi để tìm từ ngữ có tiếng chứa vần mới trong bài: *loài, biển, thời tiết,......*  + HS luyện đọc theo hướng dẫn: 2 - 3 HS đánh vần, đọc trơn, sau đó cả lớp đọc đồng thanh một số lần.  + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 1.    + Một số HS đọc nối tiếp từng cầu lần 2.    + Một số HS đọc nối tiếp từng đoạn, 2 lượt.  + HS đọc đoạn theo nhóm.  + 1 - 2 HS đọc thành tiếng toàn VB |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **3. Trả lời câu hỏi (12-13’)**  **-** GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi.  a. *Hải âu có thể bay xa như thế nào?*  b. *Ngoài bay xa, hải ấu còn có khả năng gì?*  c. *Vì sao hải âu đượcgọi là loài chim báo bão?*  **-** GV đọc từng câu hỏi và gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời của mình. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá.  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - Lưu ý: GV có thể chủ động chia nhỏ câu hỏi hoặc bổ sung câu hỏi để dẫn dắt HS (nếu cần).  **4. Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi a và b ở mục 3. (16-18’)**  - GV nêu lại câu hỏi: *Hải âu có thể bay xa như thế nào?* *Ngoài bay xa, hải ấu còn có khả năng gì?*  - GV nhắc lại câu trả lời đúng cho câu hỏi a và b (có thể trình chiếu lên bảng một lúc để HS quan sát) và hướng dẫn HS viết câu trả lời vào vở  + Trong câu: “*Hải âu có thể bay xa như thế nào?* *Ngoài bay xa, hải ấu còn có khả năng gì?* có chữ nào cần viết hoa ?  - GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đầu câu; đặt dấu chấm, dấu phẩy đúng vị trí.  + GV viết mẫu chữ hoa V ( Viết mẫu cả hai kiểu chữ hoa và chữ in hoa)  - GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.  **\* Củng cố dặn dò (3-5P)**  - GV nhắc lại nội dung bài  - Dặn HS về luyện đọc viết ở nhà.  - GV nhận xét tiết học. | - HS làm việc nhóm (có thể đọc to từng câu hỏi), cùng nhau trao đổi về bức tranh minh hoạ và câu trả lời cho từng câu hỏi.  a. *Hải âu có thể bay qua những đại dương mênh mông;*  b. *Ngoài bay xa, hải âu còn bơi rất giỏi;*  c. *Khi trời sắp có bão, hải âu bay thành đàn tỉm chỗ trú ẩn*  - Đại diện một số nhóm trả lời. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá.  - HS viết câu trả lời vào vở *(Hải âu có thể bay vượt cả đại dương mênh mông; Ngoài bay xa, hải âu còn bơi rất giỏi).*  + HS nêu: Chữ H và chữ N cần viết hoa.  + HS theo dõi.  + HS thực hành viết câu vào vở:  *Hải âu có thể bay vượt cả đại dương mênh mông; Ngoài bay xa, hải âu còn bơi rất giỏi*  - HS chi sẻ cuối bài |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TIẾT 3+4: TNXH**

**BÀI 18: THỰC HÀNH:**

**RỬA TAY, CHẢI RĂNG, RỬA MẶT (3 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Sau bài học, HS đạt được:

Về nhận thức khoa học:

- Nêu được lợi ích của sự rửa tay, chảy răng, rửa mặt

Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:

- Thực hiện đúng các quy tắc về giữ gìn vệ sinh cơ thể: Rửa tay, chải răng, rửa mặt đúng cách.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**1. Giáo viên**

- Giáo án, SGK, VBT TN và XH, giáo án điện tử, mô hình hàm răng, nc sạch

**2. Học sinh**

- Khăn mặt. Xà phòng Nước sạch

**III. CÁC HỌAT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | | **Hoạt động của HS** | |
| **A. Lợi ích của việc rửa tay**  Hoạt động 1: Thảo luận về lợi ích của việc rửa tay   * Cách tiến hành   Bước 1: làm việc theo cặp:  -GV chia lớp thành nhóm đôi, yêu cầu HS thảo luận và nội dung tranh 116 SGK và nêu tình huống trong SGK:  + Có nên dụi mắt, cầm thức ăn ngay sau khi chơi như các bạn trong hình không? tại sao?  + Hãy nói về lợi ích của việc rửa tay.  + Hằng ngày, bạn thường rửa tay khi nào?  Bước 2: Làm việc cả lớp  GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận  GV nhận xét, kết luận | | - HS thảo luận nhóm  - HS trả lời, giải thích  -Rửa tay sạch giúp loại bỏ các mầm bệnh, phòng tránh các bệnh về ăn uống, về da, mắt…  - Rửa tay khi bẩn, trước khi ăn và sau khi đi VS  - Đại diện các nhóm trình bày, các nhóm khác NX, bổ sung  HS lắng nghe, đọc mục: Em có biết (116) | |
| **Luyện tập**   1. **Em rửa tay thế nào?**   **Hoạt động 2: Thực hành rửa tay**  **Mục tiêu:**  - Thực hiện được một trong những quy tắc giữ VS cơ thể là rửa ray đúng cách   * **Cách tiến hành** | | | |
| Bước 1: làm việc theo cặp  - Gv yêu cầu HS trao đổi với nhau những việc cần làm khi rửa tay  GV lắng nghe, gợi ý thêm cho HS: Khi rửa tay cần làm ướt tay, lấy xà phòng, trà sát lòng bàn tay, cọ từng ngón tay, mu bàn tay, kẽ tay…cuối cùng rửa sạch xà phòng dưới vòi nước  Bước 2: Làm việc cả lớp  Gv cho HS xem video rửa tay  GV gọi địa diện nhóm nên thực hành rửa tay  - GV nhận xét, đánh giá.  Bước 3. Làm việc theo nhóm  - Gv chia lớp thành các nhóm, vận dụng thực hành rửa tay với xà phòng và nước sạch theo nhóm.  - GV quan sát, hướng dẫn các nhóm thực hành.  Bước 4: Làm việc cả lớp.  Đại diện nhóm trình bày rửa tay theo đúng cách  - Kết thúc tiết học, HS đọc cá nhân, đồng thanh nhắc lại lời con ong | | - HS quan sát, lắng nghe.  - HS quan sát  - HS nhận xét  - HS lắng nghe  Các nhóm quan sát, nhận xét. | |
| **Tiết 2:**  **Hoạt động 3: Thực hành ba bước giữ an toàn cho bản thân**  \* Mục tiêu  Luyện tập ba bước phòng tránh bị xâm hại . | | |
| \* Cách tiến hành  *Bước 1 : Làm việc cả lớp*  - GV hướng dẫn HS đọc bài.  - Các bạn khác và GV nhận xét ( nếu cần GV có thể làm mẫu cho HS quan sát ) .  *Bước 2 : Làm việc theo nhóm*  - GV hỗ trợ và uốn nắn ( nếu cần ) .  *Bước 3 : Làm việc cả lớp*  - GV yêu cầu các nhóm nhận xét, góp ý lẫn nhau .  ***Lưu ý****: GV căn dặn HS , khi gặp tình huống nguy cơ , các em cần nói với người lớn tin cậy để được giúp đỡ kịp thời . Nếu nói một lần chưa được thì các em cần nhắc lại nhiều lần với những người tin cậy khác hoặc gọi điện thoại đến số 111 cho tới khi nhận được sự giúp đỡ . GV cũng nhấn mạnh đến quyền trẻ em , không ai có quyền gây hại , làm tổn thương các em .*  Kết thúc hoạt động này , GV yêu cầu HS ghi nhớ những kiến thức chủ yếu ở trang 125. | - HS đọc chỉ dẫn thực hành ba bước phòng tránh bị xâm hại ở trang 125 ( SGK )  - Một số HS xung phong lên thể hiện trước lớp  - HS thu dọn bàn ghế gọn lại để thực hành trong nhóm ( bảo đảm HS nào cũng được luyện tập ) . Trong quá trình các nhóm luyện tập  - Cùng với việc luyện tập nêu trên , HS trao đổi với các bạn trong nhóm tên ba người em tin cậy và cho biết họ là ai , họ có quan hệ với em như thế nào .  - Đại diện các nhóm trình bày trước lớp . | |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**BUỔI CHIỀU**

**TIẾT 1 + 2: TIẾNG VIỆT**

**BÀI 1: LOÀI CHIM CỦA BIỂN CẢ (tiết 3+4)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức kĩ năng**

- **Phát triển kĩ năng đọc** thông qua việc đọc đúng, rõ ràng một VB thông tin đơn giản và ngắn; hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến VB; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận tử tranh được quan sát.

- **Phát triển ki năng viết** thông qua hoạt động viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc; hoàn thiện cảu dựa vào những từ ngữ cho sản và viết lại đúng cặu đã hoàn thiện; nghe viết một con ngắn,

- **Phát triển kĩ năng nói và nghe** thông qua trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh.

**2.Phẩm chất**

- Góp phần hình thành và phát triển phẩm chất: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**3. Năng lực**

- Góp phần hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ; năng lực tự chủ, tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Kiến thức ngữ văn**

- GV nắm được đặc điểm VB thông tin (không có yếu tố hư cấu, có mục đích chính là cung cấp thông tin) và nội dung của VB *Loài chim của biển cả.*

- GV nắm được nghĩa của các từ ngữ khó trong VB (*sải cánh, đại dương, màng, dập dềnh, bão)* và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

**2. Kiến thức đời sống**

- GV nắm được những kiến thức thực tế về chim hải âu. Hải âu chủ yếu sống trên mặt biển, bay trên mặt biển và nghỉ ngơi cũng trên mặt biển. Loài chim này có sải cánh dài tới 4 - 4,5 m. Sải cánh dài nhưng nhỏ và hẹp khiến chúng bay rất tài. Hải âu thường bay theo tàu biển để kiếm thức ăn. Guồng quay của con tàu làm bắn cá lên, hải âu kiếm cá ở đó. Những người lái tàu coi hải âu là điềm lành nên cũng thường lấy cá cho hải âu ăn. Do vậy, hải âu được xem là bạn của những người đi biển.

- GV có thể thu thập thêm thông tin về hải âu trong *Từ điển tranh về các con vật* của Lê Quang Long hoặc trên Internet.

**3. Phương tiện dạy học**

- Tranh minh hoạ có trong SHS được phóng to hoặc máy tính có phần mềm phù hợp, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh. Có thể SƯU tầm thêm những tranh đẹp về chim hải âu. Chuẩn bị tranh minh hoạ (chân vịt có màng) để giải thích nghĩa của từ màng.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Luyện tập, thực hành**  - Cho HS đọc lại bài: Loài chim của biển cả và TLCH về nội bài.  - GV nhận xét đánh giá.  **1. 5. Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở**.**( 13- 15’)**  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu.  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả.  - GV và HS thống nhất các câu hoàn chỉnh.  - GV yêu cầu HS viết câu hoàn chỉnh vào vở.  - GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.  **1.66. Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh (15-17’)**  - GV giới thiệu tranh và hướng dẫn HS quan sát tranh.  - GV yêu cầu HS làm việc nhóm, quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh, có dùng các từ ngữ đã gợi ý.  - GV có thể khai thác thêm ý (dành cho đối tượng HS có khả năng tiếp thu tốt): sức mạnh sáng tạo của con người thật to lớn, nhưng sự kì thú, nhiệm màu của thiên nhiên cũng rất đáng nâng niu, giữ gìn, trân trọng.  - GV gọi một số HS trình bày kết quả nói theo tranh - HS hoạt động theo nhóm, quan sát tranh và trả lời câu hỏi.  - GV và HS nhận xét. | - 1,2 HS đọc và TLCH về nội dung bài.  - HS làm việc theo cặp cùng thảo luận chọn từ ngữ cần điền vào câu.  - Đại diện một số nhóm lên trình bày:  a. *ít có loài chim nào có thể bay xa như hải âu;*  b. *Những con tàu lớn có thể đi qua các đại dương.)*  - Cá nhân học sinh viết câu vào vở chính tả.  - HS quan sát tranh  - HS làm việc theo nhóm  - Đại diện nhóm trình bày kết quả |

**TIẾT 4**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.7. Nghe viết.(14-15’)**  - GV đọc to cả đoạn văn:  *Hải âu là loài chim của biển cả. Chúng có sải cánh lớn, nên bay rất xa. Chúng còn bơi rất giỏi nhờ chân có màng như chân vịt.*  Đoạn văn có mấy câu?  Chữ đầu câu viết như thế nào?  Cuối câu có dấu gì?  - GV lưu ý HS một số vấn đề chính tả trong đoạn viết.  + Viết lùi vào đầu dòng. Viết hoa chữ cái đầu câu, kết thúc câu có dấu chấm.  + Chữ dễ viết sai chính tả: *loài, lớn.*  - GV yêu cẩu HS ngồi đúng tư thế, cẩm bút đúng cách.  - Đọc và viết chính tả:  + GV đọc từng câu cho HS viết. Mỗi câu cần đọc theo từng cụm từ :  *Hải âu/ là loài chim của biển cả./ Chúng có sải cánh lớn,/ nên bay rất xa./ Chúng còn bơi rất giỏi/ nhờ chấn có màng/ như chấn vịt.*  *-* Mỗi cụm từ đọc 2-3 lần. GV cần đọc rõ ràng, chậm rãi, phù hợp với tốc độ viết của HS.  + Sau khi HS viết chính tả, GV đọc lại một lần toàn đoạn văn và yêu cầu HS rà soát lỗi.  + GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.  **1.8. Chọn vần phù hợp thay cho ô vuông (9- 10’)**  - GV có thể sử dụng máy chiếu hoặc bảng phụ để hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu.  - GV nêu nhiệm vụ. HS làm việc nhóm đôi để tìm những vần phù hợp.  **1.9. Trao đổi: *cần làm gì để bảo vệ các loài chim?* (5-6’)**  - Đây là phần luyện nói tự do. GV có thể cho HS làm việc nhóm, sau đó gọi đại diện một vài nhóm trả lời.  - Lưu ý một số chi tiết: Không được bắn chim, bắt chim, phá tổ chim,...  **2. Củng cố (3-4’)**  - GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính.  - GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.  - GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS | - HS đọc đoạn viết  - Đoạn văn có 3 câu, chữ đầu câu phải viết hoa, cuối câu có dấu chấm câu.  - HS viết bài vào vở  + HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi.  - Một số (2 - 3) HS lên trình bày kết quả trước lớp (có thể điền vào chỗ trống của từ ngữ được ghi trên bảng).  - Một số HS đọc to các từ ngữ. Sau đó, cả lớp đọc đồng thanh một số lần.  - HS thảo luận nhóm  - HS trình bày ý kiến của mình  - HS nêu ý kiến về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào). |

**=========================================**

**THỨ 4**

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày soạn: 28/03/2025 | Ngày thực hiện: 02/04/2025  Ngày điều chỉnh:……………. |

**BUỔI SÁNG**

**TIẾT 1+2: TIẾNG VIỆT**

**BÀI 2: BẢY SẮC CẦU VỒNG (tiết 1+2 )**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức kĩ năng**

- **Phát triển kĩ năng đọc** thông qua việc đọc đúng, rõ ràng một bài thơ, hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến nội dung bài thơ, nhận biết một số tiếng cũng vần với nhau, củng cố kiến thức về vần, thuộc lòng một khổ thơ và cảm nhận được vẻ đẹp của bài thơ qua vần và hình ảnh thơ, quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận tử tranh được quan sát.

- **Phát triển kĩ năng nói và nghe** thông qua hoạt động trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh.

**2.Phẩm chất**

- Góp phần hình thành và phát triển phẩm chất: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**3. Năng lực**

- Góp phần hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ; năng lực tự chủ, tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Kiến thức ngữ văn**

- GV nắm được đặc điểm vần, nhịp và nội dung của bài thơ *Bảy sắc cầu vồng-,* nghĩa của các từ ngữ khó trong bài thơ *(ẩn hiện, hừng tỉnh, mưa rào)* và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

**2. Kiến thức đời sông**

- Cầu vồng với bảy sắc đã tạo nên một ấn tượng đẹp và đi vào kí ức tuổi thơ của mỗi người với những sắc màu rực rỡ, lung linh.

- Hiện tượng cầu vồng là một hiện tượng thiên nhiên đặc biệt, không dễ bắt gặp như mưa, nắng, hay sấm, sét. Cầu vồng xuất hiện khi trời có mưa rào và tạnh một cách bất chợt và sau đó, nắng bừng lên. Cầu vồng có hình vòng cung, gồm 7 màu: đỏ, cam, vàng, lục, lam, chàm, tím. Đây là hiện tượng ánh sáng mặt trời bị khúc xạ bởi những giọt nước, tạo nên những sắc màu lung linh, huyền ảo. Cầu vồng xuất hiện và tan đi rất nhanh, do vậy, người ta không có nhiều cơ hội để chiêm ngưỡng vẻ đẹp của nó. Điều đó cũng tạo nên sức hấp dẫn riêng của hiện tượng thiên nhiên kì thú này.

**3. Phương tiện dạy học**

- Tranh minh hoạ về cầu vồng có trong SHS được phóng to hoặc máy tính có phần mềm phù hợp, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh. Mang thêm một số đổ vật mang màu của 7 sắc cầu vồng (quả cam, quả đu đủ, lá cây,...) (nếu có thể).

- SGK, Vở ghi,..

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Ôn bài cũ**  - HS đọc bàiLoài chim của biển cả  + GV gọi HS đọc bài và trả lời câu hỏi:  a. *Hải âu có thể bay xa như thế nào?*  b. *Ngoài bay xa, hải ấu còn có khả năng gì?*  - GV cùng cả lớp nhận xét.  **B. Bai mới**  **1. Khởi động**:  + Phần này có thể lựa chọn 2 phương án:  Phương án 1: GV chiếu câu đố lên màn hình (chưa cho HS mở SHS), gọi HS đọc nối tiếp, sau đó yêu cầu HS giải đố. (Cách làm này sẽ giữ “bí mật” được đáp án vì trong SHS đã có sẵn hình cầu vồng).  Phương án 2: HS mở SHS, đọc thầm câu đố, quan sát tranh.  - GV gọi một vài HS đọc nối tiếp, cả lớp giải đố.  + GV có thể đưa thêm các câu hỏi phụ  *- Em đã từng thấy cầu vông chưa?*  *- Cầu vông xuất hiện ở đấu?*  *- Em có cảm nghĩ gì khi thấy cẩu vồng?*  - Lưu ý: không hỏi quá sâu vì nó có thể trùng với nội dung bài học).  - Giới thiệu bài thơ. Lưu ý sự đặc biệt của cầu vồng (không bắc qua sông mà bắc trên bầu trời, có màu sắc rất rực rỡ, kì ảo).  **2. Khám phá**  **2.1. Đọc (24-25’)**  - GV đọc mẫu toàn bài thơ. Chú ý đọc diễn cảm, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ.  - GV hướng dẫn HS luyện phát ầm một số từ ngữ có vần mới khó  - GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi để tìm từ ngữ có tiếng chứa vần mới khó trong bài: ươi, ăm, au, am, ưng, inh.....  + GV đưa những từ ngữ này lên bảng và hướng dẫn HS đọc. GV đọc mẫu lần lượt từng vần và từ ngữ chứa vần đó, HS đọc theo đồng thanh.  **- Đọc câu:**  + GV yêu cầu HS đọc nối tiếp từng dòng thơ lẩn 1  + GV yêu cầu HS đọc nối tiếp từng dòng thơ lần 2.  + GV hướng dẫn HS cách đọc, ngắt nghỉ đúng dòng thơ, nhịp thơ.  **- Đọc từng khổ thơ :**  + GV hướng dẫn HS nhận biết khổ thơ.  + GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài thơ:  *ẩn hiện:* lúc xuất hiện, lúc biến mất.  *bừng tỉnh:* đột ngột thức dậy.  *mưa rào:* mưa mùa hè, mưa to, mau tạnh.  + GV yêu cầu HS đọc từng khổ thơ theo nhóm.  **- Đọc cả bài thơ :**  **2.2. Tìm trong bài thơ những tiếng có vần *ông, ơi, ưa* (4-5')**  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, cùng đọc lại bài thơ và tìm trong bài thơ những tiếng có vần *ông, ơi, ưa.*  - GV yêu cầu một số HS trình bày kết quả.  - GV và HS nhận xét, đánh giá.  - GV và HS thống nhất câu trả lời. | - 1 HS đọc lại đoạn 1 văn bản bài  Loài chim của biển cả. Sau đó trả lời câu hỏi 1.  - 1 HS đọc lại đoạn 1 văn bản bài Loài chim của biển cả. Sau đó trả lời câu hỏi 2.  - HS quan sát các tranh theo nhóm cặp đôi và hỏi nhau theo câu hỏi GV gợi ý  - 2 - 3 HS trả lời cho mỗi câu hỏi, các HS khác có thể bổ sung nếu câu trả lời của các bạn chưa đẩy đủ.  - HS lắng nghe.  + HS làm việc nhóm đôi để tìm từ ngữ có tiếng chứa vần mới trong bài: *tươi thắm, màu chàm, hừng tỉnh......*  + HS luyện đọc theo hướng dẫn: 2 - 3 HS đánh vần, đọc trơn, sau đó cả lớp đọc đồng thanh một số lần.  + Một số HS đọc nối tiếp từng dòng thơ lẩn 1  + Một số HS đọc nối tiếp từng dòng thơ lần 2.  + Một số HS đọc nối tiếp từng khổ thơ, 2 lượt.  + HS đọc từng khổ thơ theo nhóm.  + Một số HS đọc khổ thơ, mỗi HS đọc một khổ thơ. Các bạn nhận xét, đánh giá.  + 1 - 2 HS đọc thành tiếng cả bài thơ.  + Lớp đọc đổng thanh cả bài thơ.  + HS trả lời: |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **2.3. Trả lời câu hỏi.(9-10')**  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu bài thơ và trả lời các câu hỏi.  a. *Cầu vồng thường xuất hiện khi nào?*  b. *Cầu vồng có mấy màu? Đó là những màu nào?*  *c. Câu thơ nào cho thấy cầu vồng thường xuất hiện và tan đi rất nhanh?*  - GV đọc từng câu hỏi và gọi một số HS trình bày câu trả lời. Các bạn nhận xét, đánh giá.  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **2. Học thuộc lòng (9- 10')**  - GV treo bảng phụ hoặc trình chiếu bài thơ.  - GV hướng dẫn HS học thuộc lòng một khổ thơ bất kì bằng cách xoá/ che dần một số từ ngữ trong khổ thơ cho đến khi xoá/ che hết. HS nhớ và đọc thuộc cả những từ ngữ bị xoá/ che dần. Chú ý để lại những từ ngữ quan trọng cho đến khi HS thuộc lòng khổ thơ đó.  **6. Viết vào vở tên từng màu trong bảy màu của câu vồng (9-10')**  - GV yêu cầu HS nhắc lại tên của bảy màu cầu vồng (đỏ, cam, vàng, lục, lam, chàm, tím).  - GV cho HS đổi sản phẩm để xem và nhận xét, góp ý cho nhau.  **7. Củng cố (4 – 5')**  - GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính.  - GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.  - GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS. | - HS làm việc nhóm (có thể đọc to từng câu hỏi), cùng nhau trao đổi về bức tranh minh hoạ và câu trả lời cho từng câu hỏi.  a. *Cầu vồng thường xuất hiện khi trời “vừa mưa lại nắng” (trời vừa mưa xong lại nắng lên ngay).*  b. *Cầu vồng có bảy màu, là các màu đỏ, cam, vàng, lục, lam, chàm, tím.*  c. *Cấu thơ cho thấy cầu vông xuất hiện và tan đi rất nhanh là “Cẩu vồng ẩn hiện/ Rồi lại tan mau.”*  - Đại diện một số nhóm trả lời. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá.  - Một HS đọc thành tiếng toàn bộ bài thơ.  - HS viết tên của từng màu ở vở.  - HS nêu ý kiến về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào). |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TIẾT 3+4: TCTV**

***Bài 39:*ĐI TRÊN HÈ ĐƯỜNG (2T)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

-Nghe đọc câu đố, kết hợp nhìn hình để giải đố, nói được tên một số phương tiện giao thông.

-Nghe và hiểu nội dung 1-2 câu ngắn, đơn giản và hiểu nhiệm vụ cần làm: nói số tương ứng trong tranh và viết ra bảng đáp án đúng.

-Hỏi và trả lời được các câu hỏi về nội dung bài thơ

-Thuộc được một số khổ thơ hay cả bài thơ. Có nhận thức đúng đắn về việc tham gia giao thông.

**II. CHUẨN BỊ**

**-**Sách *Em nói Tiếng Việt (dành cho học sinh dân tộc thiểu số).*

-Bảng và phấn làm bài tập nghe.

-Tranh ảnh, hình minh họa hoặc video về chủ đề giao thông mà giáo viên có thể chuẩn bị.

**III.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| ***(Tiết 1)***  **1.Khởi động**  **Hoạt động 1. Múa hát hoặc chơi trò chơi.**  **-**GV cho học sinh chơi trò chơi để tạo không khí lớp học  -Gv giới thiệu tên bài.  Hoạt động 2. Ôn luyện nói từ và mẫu câu mới.   1. ***Ôn luyện nói từ***   -GV cho HS quan sát tranh trong SGK và nói tên các phương tiện giao thông: *máy bay, xe đạp, ô tô buýt, tàu thủy.*  -GV dạy HS nói các từ: *máy bay,xe đạp, ô tô buýt, tàu thủy.*  *-*Gv chỉ vào hình xe đạp và dạy HS nói các từ: *bánh xe, chuông kêu,kính coong*.  -GV chỉ vào hình máy bay và dạy HS nói các từ: *hai cánh, biết bay, nói ù ù.*  -GV lắng nghe HS thực hiện và sửa lỗi cho các em đọc chưa chính xác.  ***b) Ôn luyện nói mẫu câu***  -Gv làm mẫu:  + GV chỉ vào tranh nói mẫu câu:*Đây là máy bay, máy bay bay trên trời..*GV nhắc mẫu câu 3 lần cho các em quan sát khẩu hình miệng.  +GV cho HS nói mẫu câu theo cặp, một bạn chỉ hình, một bạn nói, rồi đổi vai.  +GV chú ý hỗ trợ và giúp đỡ các em HS.  -Thực hành nói mẫu câu(cá nhân).  +Gv cho HS chọn một hoạt động giao thông để thực hành nói mẫu câu.  +Gv quan sát, hỗ trợ giúp đỡ và khen ngợi các em.  -GV đọc từng câu đố từ 2-3 lần cho HS nghe và nói tên của phương tiện giao thông đó.  **Hoạt động 3. Luyện nghe**  -Gv nói mỗi tranh, chi tiết trong tranh bằng 1-2 câu ngắn, nhắc lại cho HS nghe 2-3 lần:  *+Hai bố con đi trên xe máy đều đội mũ bảo hiểm?Đó là bức tranh số mấy? Hành vi đó đúng hay là sai?*  *+Mẹ chở bạn gái bằng xe đạp. Bạn gái ngồi một bên, lại còn che ô. Đó là bức tranh số mấy?Hành vi đó đúng hay sai?*  *+Hai mẹ con đi xe máy.bạn trai ngồi sau mẹ không đội mũ bảo hiểm , tay không bám vào mẹ. Đó là bức tranh số mấy? Hành vi đó đúng hay sai?*  *-*GV giải thích thêm về các hành vi đúng, sai trong khi tham gia giao thông.  ***(Tiết 2: Đọc thơ)***  **2. Khám phá**  **Hoạt động 4. HS nghe GV đọc thơ**  **-**GV cho HS xem tranh và hỏi: *Em thấy những gì trong tranh?*  -GV đọc bài thơ một lần bằng giọng chậm dãi, rõ ràng, tròn vành. GV vừa đọc vừa chỉ vào trong tranh giúp HS hiểu nghĩa.  -GV đọc bài thơ lần 2.  **Hoạt động 5. HS đọc nội dung bài thơ**  -Gv đọc bài thơ lần 3, vừa đọc vừa chỉ tranh minh họa, đặt câu hỏi cho HS trả lời, giúp HS hiểu nghĩa và nhớ nội dung bài thơ:  *+Con đường bạn nhỏ tới trường đi qua đâu?*  *+Bạn nhỏ đã nhớ điều gì khi đi học?*  *+Đường qua phố phải như thế nào?*  **Hoạt động 6. HS nói từ và mẫu câu mới**  ***a)Học nói từ***  -GV giới thiệu và nói mẫu một số từ trong bài thơ cho HS đọc theo hình thức nhóm, cả lớp: *xóm, làng, phố, phường, hè đường, đèn hiệu.*  -GV quan sát, hỗ trợ và giúp đỡ HS.   1. ***Học nói mẫu câu***   + GV nói mẫu câu: *Không đi dàn hàng, đi lề bên phải.*GV nhắc mẫu câu 3 lần cho các em quan sát khẩu hình miệng.  -GV cho HS đọc theo hình thức: cá nhân, nhóm, cả lớp.  **3. Luyện tập**  **Hoạt động 7. HS đọc thuộc lòng bài thơ.**  -GV dạy HS đọc 2 câu thơ một, vừa đọc vừa chỉ vào các chi tiết trong tranh.  +GV cùng HS đọc cả bài thơ: GV dùng que chỉ các chi tiết trong tranh tương ứng với các câu thơ.  +GV cho HS đọc theo các hình thức: cá nhân, nhóm, cả lớp.GV chú ý hỗ trợ và giúp đỡ các em HS.  -GV cho HS thi đọc các khổ thơ hoặc cả bài thơ.  **4. Vận dụng**  -GV dặn dò HS về đọc thuộc lòng bài thơ  -GV nhận xét, đánh giá giờ học, khen ngợi, biểu dương các em. | HS thực hiện  HS nối tiếp nhau đọc lại tên bài.  Nhiều HS được trả lời.  HS thực hiện  HS nối tiếp nhau nói các từ sau đó lớp đọc đồng thanh.  HS nối tiếp nhau nói các từ sau đó lớp đọc đồng thanh.  HS nối tiếp nhau nói mẫu câu.  HS thực hiện.  Nhiều HS được thực hiện  Nhiều HS được đoán tên.  Nhiều HS được trả lời.  HS lắng nghe  Nhiều HS nói nội dung tranh  HS lắng nghe và quan sát  HS lắng nghe và quan sát.  +*Qua xóm làng*  *+Không đi dàn hàng, đi lề bên phải.*  *+Đi trên hè đường, đi theo đèn hiệu.*  HS thực hiện.  HS thực hiện.  HS thực hiện.  HS lắng nghe |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**BUỔI CHIỀU**

**TIẾT 1: HĐ TRẢI NGHIỆM**

**HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ**

**NHỮNG NGƯỜI BẠN CỦA EM**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức kĩ năng**

- Hiểu hơn về sở thích, khả năng của bạn mình và làm cho mối quan hệ bạn bè thân tình, gắn bó hơn.

- Biết cùng nhau tham gia các hoạt động tập thể, biết kể về những người bạn của mình.

**2. Phẩm chất**

- Tự tin, đoàn kết,yêu quý cảnh đẹp quê hương đất nước.Nâng cao tinh thần hiếu học, tính tích cực hoạt động của học sinh. Nhân ái yêu thương bạn bè

**3. Năng lực**

- Hình thành và phát triển năng lực tự chủ, giao tiếp và hợp tác, năng lực ngôn ngữ.

**II. CHUẨN BỊ:**

- Ghế nhựa, bảng con, phấn.

- Bài hát Mời bạn vui múa ca - Sáng tác: Phạm Tuyên.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG TIẾN HÀNH:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động (3 phút)** |  |
| - Ổn định: | - Hát |
| - Giới thiệu bài |  |
| + Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và giới thiệu: Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu về những người bạn của em. | - Lắng nghe |
| **2. Các hoạt động chủ yếu. (30 phút)**  **\*Mục tiêu:**  - Hiểu hơn về sở thích, khả năng của bạn mình và làm cho mối quan hệ bạn bè thân tình, gắn bó hơn.  - Biết cùng nhau tham gia các hoạt động tập thể, biết kể về những người bạn của mình. | |
| **Hoạt động 1. Trò chơi “Hiểu ý bạn”** | |
| ***\* Mục tiêu:*** | |
| - Giúp HS có cảm xúc thích thú và phấn khởi khi tham gia trò chơi cùng các bạn trong lớp. Qua đó các em cũng hiểu hơn về bạn của mình. | |
| ***\* Cách tiến hành:***  GV phổ biến cách chơi và luật chơi như sau: - Trên bục giảng, 2 HS ngồi trên ghế nhựa, lưng quay vào nhau trong tư thế cúi đầu chuẩn bị viết. Mỗi em cầm trên tay tấm bảng con và viên phấn chuẩn bị tham gia trò chơi.  - Khi GV ra hiệu lệnh bằng việc nêu câu hỏi, chẳng hạn như:  + Đố em biết bạn mình có thích chơi bóng đá không?  + Hoặc bạn có thích hát không nhỉ? hoặc em sẽ tặng bạn một đồ vật gì mà em cho là bạn rất thích?  Lập tức, cả 2 HS sẽ viết nhanh câu trả lời vào bảng con của mình. Sau đó quay lưng lại và cho bạn xem. Nếu bạn cười tức là câu trả lời đúng. Nếu bạn lắc đầu thì câu đó là chưa đúng. Khi đó em có thể hỏi về sở thích của bạn là gì. Hãy nói cho cả lớp biết.  - GV cho HS chơi trong vòng 15 phút. | - Lắng nghe  - 2 HS lên thực hiện mẫu.  - HS chơi trò chơi. |
| \*GV kết luận.  - HS phấn khởi và thích thú với hoạt động chơi trò chơi “Hiểu ý bạn” và hiểu hơn về sở thích của nhau. | - Theo dõi, lắng nghe |
| **3. Hoạt động luyện tập và vận dụng.** | |
| **Hoạt động 2. Kể về những người bạn của em.** | |
| ***\* Mục tiêu:***  - Giúp HS cởi mở, thân thiện khi nói về bạn của mình một cách tự nhiên. | |
| ***\* Cách tiến hành :***  - GV tổ chức hoạt động này ở ngoài sân tập. - GV chia HS thành nhiều nhóm HS. Mỗi nhóm có từ 5 đến 6 em.  - GV YC HS trong nhóm kể cho nhau nghe về những người bạn của mình.  - Kết thúc hoạt động, cho HS cả lớp cùng hát bài Mời bạn vui múa ca - Sáng tác: Phạm Tuyên. | - HS tập hợp  - HS chia nhóm theo hướng dẫn của GV.  - HS trong nhóm thực hiện kể cho nhau nghe về những người bạn của mình. Bạn tên là gì, bạn có hát hay không, bạn có thích chơi trò chơi gì không, bạn múa có đẹp không.  - HS hát |
| \* Kết luận:  - HS học được cách thể hiện thái độ, tình cảm của mình với các bạn khi tham gia các hoạt động cùng nhau. | - Lắng nghe, ghi nhớ |
| **3. Hoạt động nối tiếp: (2 phút)**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  - Về nhà chia sẻ với người thân về những người bạn của mình. | - Lắng nghe |

=========================================

**THỨ 5**

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày soạn: 28/03/2025 | Ngày dạy : 03/04/2025  Ngày điều chỉnh:……………. |

**BUỔI SÁNG**

**TIẾT 3+4 : TIẾNG VIỆT**

**BÀI 3: CHÚA TỂ RỪNG XANH (tiết 1+2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức kĩ năng**

- **Phát triển kĩ năng đọc** thông qua việc đọc dụng, rõ ràng một VB thống tin ngắn và đơn giản, hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến VB; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát.

- **Phát triển kĩ năng viết** thông qua hoạt động viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc, hoàn thiện câu dựa vào những từ ngữ cho sản và viết lại đúng câu đã hoàn thiện;nghe viết một đoạn văn ngắn.

- **Phát triển kĩ năng nói và nghe** thông qua trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh

**2.Phẩm chất**

- Góp phần hình thành và phát triển phẩm chất: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**3. Năng lực**

- Góp phần hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ; năng lực tự chủ, tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Kiến thức ngữ văn**

- GV nắm được đặc điểm của VB thông tin (không có yếu tố hư cấu, có mục đích chính là cung cấp thông tin) và nội dung của VB *Chúa tể rừng xanh.*

- GV nắm được nghĩa của các từ ngữ khó trong VB *(chúa tể, vuốt)* và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

**2. Kiến thức đời sống**

- GV nắm được những kiến thức thực tế vê' loài hổ. Hổ là loài thú lớn thuộc họ mèo, thường sống ở rừng sâu, bụi rậm, rừng thưa xen lẫn với đồi cỏ tranh. Ban ngày ngủ trong hang đá hay bụi rậm, ban đêm đi săn mồi. Thức ăn là các loài muông thú, trừ voi và trâu rừng. Hổ là loài thú quý hiếm cẩn bảo vệ (theo *Từ điển tranh về các con vật* của Lê Quang Long).

- GV cũng suy nghĩ thêm về vấn đề: Vì sao hổ rất hung dữ nhưng vẫn cần được bảo vệ?

**3. Phương tiện dạy học**

- Tranh minh hoạ có trong SHS được phóng to hoặc máy tính có phần mềm phù hợp, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh. Có thể sưu tẩm thêm những tranh hay clip vềloài hổ.

- SGK, Vở ghi

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động** (4-5’)  **- Ôn:** Bài cũ: Bẩy sắc cầu vồng  + GV gọi HS đọc bài và trả lời câu hỏi:  + Câu 1: . *Cầu vồng thường xuất hiện khi nào?*  - GV cùng cả lớp nhận xét.  **- Khởi động**:  + Có thể lựa chọn một trong 2 phương án.  Phương án 1: GV chiếu câu đố lên màn hình (chưa cho HS mở SHS), gọi HS đọc nối tiếp, sau đó yêu cầu HS giải đố. (Cách làm này sẽ giữ “bí mật” được đáp án vì trong SHS đã có sẵn tranh con hổ.)  Phương án 2: HS mở SHS, đọc thẩm câu đố, GV gọi một vài HS đọc nối tiếp, cả lớp giải đố.  + GV và HS thống nhất nội dung câu trả lời, sau đó dẫn vào bài đọc *Chúa tể**rừng xanh.*  + Trước khi đọc văn bản, GV có thể cho HS dựa vào nhan đề và tranh minh hoạ để suy đoán một phẩn nội dung của văn bản. Chú ý khai thác nghĩa của nhan đê' *Chúa tể rừng xanh.*  **2. Đọc** (29-30’)  - GV đọc mẫu toàn VB.  - Lưu ý nhấn giọng ở những từ ngữ chỉ sức mạnh của hổ. Âm hưởng chung của toàn bài là mạnh mẽ, thể hiện được uy lực của loài chúa sơn lâm.  - GV hướng dẫn HS luyện phát ầm một số từ ngữ có vần mới khó :  + GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi để tìm từ ngữ có tiếng chứa vần mới khó trong bài: *uôt, uôi, uyên, ương.......*  + GV đưa những từ ngữ này lên bảng và hướng dẫn HS đọc. GV đọc mẫu lần lượt từng vần và từ ngữ chứa vần đó, HS đọc theo đồng thanh.  **- Đọc câu:**  + GV yêu cầu HS đọc từng câu nối tiếp lần 1.  + GV hướng dẫn HS đọc những cầu dài.: *Hổ là loài thú dữ ăn thịt,/ sống trong rừng./ Lông hổ thường có màu vàng,/pha những vằn đen.*  + GV yêu cầu HS đọc nối tiếp câu lần 2.  **- Đọc đoạn:**  + GV chia VB thành các đoạn :  đoạn 1: từ đầu đến *khoẻ và hung dữ,* đoạn 2: phần còn lại.  + GV giải thích nghĩa của một số từ ngữ trong bài *:*  *chúa tể:* vua, người cai quản một vương quốc.  *vuốt:* móng nhọn, sắc và cong.  + GV yêu cầu HS đọc đoạn theo nhóm.  **- Đọc toàn VB:**  + GV đọc lại toàn VB và chuyển tiếp sang phần trả lời cấu hỏi. | - 1 HS đọc lại khổ thơ 1 bài thơ Bẩy sắc cầu vồng. Sau đó trả lời câu hỏi 1.  + Một số (2 - 3) HS trả lời câu đố. Các HS khác có thể bổ sung nếu có câu trả lời khác.  - HS lắng nghe.  + HS làm việc nhóm đôi để tìm từ ngữ có tiếng chứa vần mới trong bài: *vuốt, đuôi, di chuyển, thường*  + HS luyện đọc theo hướng dẫn: 2 - 3 HS đánh vần, đọc trơn, sau đó cả lớp đọc đồng thanh một số lần.  + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lần 1.  + Một số HS đọc nối tiếp từng câu lẩn 2.  + Một số HS đọc nối tiếp từng đoạn, 2 lượt.  + HS đọc đoạn theo nhóm.  + 1-2 HS đọc thành tiếng toàn VB. |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **3. Trả lời câu hỏi** (12-14’)  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để tìm hiểu VB và trả lời các câu hỏi .  a. *Hổ ăn gì và sống ở đâu?*  b. *Đuôi hổ như thế nào?*  *c. Hổ có những khả năng gì đặc biệt?)*  - GV đọc từng câu hỏi và gọi đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời của mình. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá. GV và HS thống nhất câu trả lời  - Lưu ý: GV có thể chủ động chia nhỏ câu hỏi hoặc bổ sung câu hỏi để dẫn dắt HS (nếu cần).  **4. Viết vào vở câu trả lời cho câu hỏi a và b ở mục 3 (16-18’)**  - GV nêu lại câu hỏi: *Hổ ăn gì và sống ở đâu?* *Đuôi hổ như thế nào?*  - GV nhắc lại câu trả lời đúng cho câu hỏi a và b (có thể trình chiếu lên bảng một lúc để HS quan sát) và hướng dẫn HS viết câu trả lời vào vở  + Trong câu: "*Hổ ăn thịt và sống trong rừng; Đuôi hổ dài và cứng như roi sắt."*  có chữ nào cần viết hoa ?  - GV lưu ý HS viết hoa chữ cái đẩu câu; đặt dấu chấm, dấu phẩy đúng vị trí.  + GV viết mẫu chữ hoa V (Viết mẫu cả hai kiểu chữ hoa và chữ in hoa)  - GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.  **\*. Củng cố dặn dò (3-5P)**  - GV nhắc lại nội dung bài  - Dặn HS về luyện đọc viết ở nhà  - GV nhận xét tiết học | - HS làm việc nhóm (có thể đọc to từng câu hỏi), cùng nhau trao đổi về bức tranh minh hoạ và câu trả lời cho từng câu hỏi.  a. *Hổ ăn thịt và sống trong rừng.*  b. *Hổ có thể nhảy rất xa, di chuyển nhanh và săn môi rất giỏi.*  c. *Hổ được xem là chúa tể rừng xanh vì các loài vật trong rừng đều sợ hổ*  - Đại diện một số nhóm trả lời. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá.  - HS nhắc lại câu trả lời ở câu hỏi a và b: *Hổ ăn thịt và sống trong rừng; Đuôi hổ dài và cứng như roi sắt.*  + HS nêu: Chữ H và Đ cần viết hoa.  + HS theo dõi.  + HS thực hành viết câu vào vở:  Voi con huơ vòi để cảm ơn các bạn  - HS chia sẻ cuối bài |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**BUỔI CHIỀU**

**TIẾT 1: TOÁN**

**LUYỆN TẬP**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Kiến thức kĩ năng**

- Biết tính nhấm phép cộng (không nhớ) các số trong phạm vi 100 ở một số trường hợp đơn giản.

- Thực hành viết phép tính cộng phù họp với câu trả lời của bài toán có lời văn và tính đúng kết quả.

- Thực hành vận dụng tính nhẩm trong tình huống thực tiễn.

**2. Phẩm chất**

**-** Góp phần hình thành và phát triển phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực

**3. Năng lực**

- Góp phần hình thành và phát triển các NL toán học: NL giao tiếp toán học, NL tư duy và lập luận toán học, NL giải quyết vấn đề toán học

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Một số phép tính đơn giản để HS tính nhẩm.

- Một số tình huống thực tế đơn giản có liên quan đến cộng nhẩm (không nhớ) các số trong phạm vi 100.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động dạy** | **Hoạt động học** |
| **A. Hoạt động khởi động (5’)**  - Cho Hs chơi trò chơi “Truyền điện” ôn tập cộng nhẩm trong phạm vi 10.  - Y/c HS chia sẻ: + Cách cộng nhẩm của mình.  + Để có thể nhẩm nhanh, chính xác cần lưu ý điều gì?  - Các em đã biết cộng nhẩm các số trong phạm vi 10, bài hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau cộng nhẩm các số trong phạm vi 100.  **C. HĐ thực hành, luyện tập (20’)**  **Bài 1: Tính**  + Bài toán y/c gì?  - Cá nhân HS thực hiện các phép tính:  5 + 2 = ?; 65 + 2 = ?  - HS thảo luận nhóm tìm cách tính kết quả phép tính 65 + 2 = ?  - HS nêu kết quả  - Gọi Hs chia sẻ trước lớp.   * HS nhận xét, bình luận đặt câu hỏi về cách tính của bạn. * GV chốt cách nhẩm   - Gv lấy thêm các ví dụ khác để HS tính  nhẩm và trả lời miệng kết quả phép tính (chẳng hạn: 37+ 1; 43 +2; 71 +4; ...).  - HS lấy ví dụ tương tự đố bạn tính nhẩm, trả lời miệng.  **Bài 2: Chọn kết quả đúng với mỗi phép tính.**  - Tính nhẩm các phép tính.  - Chỉ cho bạn xem phép tính tương ứng với kết quả đúng.  - HS kiếm tra lẫn nhau, nói cho bạn nghe cách làm  - Nhận xét  **Bài 3:**  **a. Tính**  - Gv nêu y/c của bài: Tính nhẩm rồi nêu kết   * Kiểm tra lẫn nhau, nói cho bạn nghe cách làm.   **b. HS thực hiện theo cặp**  - Quan sát tranh, nói cho bạn nghe tranh vẽ  + Tính số điểm của mỗi bạn trong trò chơi sau?  - HS có thể có những cách tính điểm khác nhau, GV khuyến khích HS chia sẻ cách tính điểm của mình. Khi một HS hoặc một cặp HS chia sẻ, các HS khác có thể nx, hoặc đặt câu hỏi cho bạn.  **D. Hoạt động vận dụng (10’)**  **Bài 4**  - Quan sát tranh vẽ, nhận biết bối cảnh bức tranh ?  - HS đọc bài toán,  + Biết bài toán cho gì?  + Biết bài toán hỏi gì?  - Yêu cầu hs thảo luận tìm kết quả  - Viết phép tính và nêu câu trả lời.  - GV gợi ý cho HS liên hệ tình huống bức tranh với thực tế trường, lớp mình  **E. Củng cố, dặn dò (5’)**  + Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  + Những điều đó giúp ích gì cho em trong cuộc sống hằng ngày?  + Em thích nhất bài nào? | - Hs chơi  - Một vài Hs chia sẻ  - Hs trả lời  - HS chú ý  - HS nêu yêu cầu.  - Hs tính  - HS thảo luận tìm kết quả  - Hs nêu: 5 + 2 = 7 nên 65 + 2 = 67  - Hs chia sẻ cho bạn.  6 + 3 = 9 4 + 4 = 8  96 + 3 = 99 54 + 4 = 58  - HS tính nhẩm và trả lời miệng kết quả phép tính 37+ 1 = 38;  43 + 2 = 45; 71 + 4 = 75; ....  - HS lấy ví dụ tương tự đố bạn tính nhẩm, trả lời miệng.  - HS tính nhẩm các phép tính.  - HS nêu miệng phép tính ứng với kết  62 + 5 = 67 79 + 10 = 89  51 + 2 = 53 84 + 5 = 89  60 + 7 = 67 23 + 30 = 53  47 + 20 = 67  - HS làm bài  30 + 40 + 10 = 80 50 + 10 + 3 = 63  60 + 20 + 12 = 92 70 + 8 + 1 = 79  - Quan sát tranh, nói cho bạn nghe tranh vẽ  + Dũng: 30 + 15 + 10 = 55  + Hà: 25 + 20 + 10 = 55  - HS có thể có những cách tính điểm khác nhau, HS hoặc một cặp HS chia sẻ, các HS khác có thể nhận xét, hoặc đặt câu hỏi cho bạn.  - Tranh vẽ các bạn học sinh đang biểu diễn văn nghệ  - HS đọc bài toán,  + Bài toán cho biết có 31 bạn hát, 8 bạn múa  + Bài toán hỏi có tất cả bao nhiêu bạn  - Thảo luận tìm phép tính để giải quyết bài toán, nói cho bạn nghe suy nghĩ của mình  + Phép tính: 31+8 = 39  + Trả lời: Tiết mục văn nghệ đó có tất cả 39 bạn.  + Biết tính nhấm phép cộng (không nhớ) các số trong phạm vi 100  + HS trả lời  + HS trả lời |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TIẾT 2 + 3 : TIẾNG VIỆT**

**BÀI 3: CHÚA TỂ RỪNG XANH (tiết 3+4)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức kĩ năng**

- **Phát triển kĩ năng đọc** thông qua việc đọc dụng, rõ ràng một VB thống tin ngắn và đơn giản, hiểu và trả lời đúng các câu hỏi có liên quan đến VB; quan sát, nhận biết được các chi tiết trong tranh và suy luận từ tranh được quan sát.

- **Phát triển kĩ năng viết** thông qua hoạt động viết lại đúng câu trả lời cho câu hỏi trong VB đọc, hoàn thiện câu dựa vào những từ ngữ cho sản và viết lại đúng câu đã hoàn thiện;nghe viết một đoạn văn ngắn.

- **Phát triển kĩ năng nói và nghe** thông qua trao đổi về nội dung của VB và nội dung được thể hiện trong tranh

**2.Phẩm chất**

- Góp phần hình thành và phát triển phẩm chất: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**3. Năng lực**

- Góp phần hình thành và phát triển năng lực ngôn ngữ; năng lực tự chủ, tự học; năng lực giao tiếp và hợp tác; năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Kiến thức ngữ văn**

- GV nắm được đặc điểm của VB thông tin (không có yếu tố hư cấu, có mục đích chính là cung cấp thông tin) và nội dung của VB *Chúa tể rừng xanh.*

- GV nắm được nghĩa của các từ ngữ khó trong VB *(chúa tể, vuốt)* và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

**2. Kiến thức đời sống**

- GV nắm được những kiến thức thực tế vê' loài hổ. Hổ là loài thú lớn thuộc họ mèo, thường sống ở rừng sâu, bụi rậm, rừng thưa xen lẫn với đồi cỏ tranh. Ban ngày ngủ trong hang đá hay bụi rậm, ban đêm đi săn mồi. Thức ăn là các loài muông thú, trừ voi và trâu rừng. Hổ là loài thú quý hiếm cẩn bảo vệ (theo *Từ điển tranh về các con vật* của Lê Quang Long).

- GV cũng suy nghĩ thêm về vấn đề: Vì sao hổ rất hung dữ nhưng vẫn cần được bảo vệ?

**3. Phương tiện dạy học**

- Tranh minh hoạ có trong SHS được phóng to hoặc máy tính có phần mềm phù hợp, máy chiếu, màn hình, bảng thông minh. Có thể sưu tẩm thêm những tranh hay clip vềloài hổ.

- SGK, Vở ghi

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**TIẾT 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **\* Ôn bài cũ (5P)**  - Cho HS đọc lại bài *Chúa tể rừng xanh* và trả lời câu hỏi về nội dung bài.  - GV nhận xét  **5. Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở (14-15’)**  - GV hướng dẫn HS làm việc nhóm để chọn từ ngữ phù hợp và hoàn thiện câu.  - GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả. GV và HS thống nhất các câu hoàn chỉnh.  - GV yêu cầu HS viết câu hoàn chỉnh vào vở.  - GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.  **6. Quan sát tranh và dùng từ ngữ trong khung để nói theo tranh (15-16’)**  - GV giới thiệu tranh, hướng dẫn HS quan sát tranh.  - GV có thể đặt câu hỏi để gợi ý.  *+ Tranh vẽ gì?*  *+ Điểm khác nhau giữa hổ và chó?*  - GV yêu cầu HS làm việc nhóm, quan sát tranh và trao đổi trong nhóm theo nội dung tranh, có dùng các từ ngữ đã gợi ý.  - GV gọi một số HS trình bày kết quả nói theo tranh.  - GV và HS nhận xét. | - 1,2 HS đọc và TLCH về nội dung bài.  - HS làm việc theo cặp cùng thảo luận chọn từ ngữ cần điền vào câu. Sau đó đại diện một số nhóm lên trình bày:  *a, Gấu, khỉ, hổ, báo đểu sống trong rừng.*  *b, Trong đêm tối, hổ vẫn có thể nhìn rõ mọi vật.*  - Cá nhân học sinh viết câu vào vở chính tả.  - HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi .  - Tranh vẽ hổ và chó);  - Hổ sống trong rừng, còn chó sống trong nhà.) |

**TIẾT 4**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **7. Nghe viết (14-15’)**  - GV đọc to cả đoạn văn. (Hổ *là loài thú ăn thịt. Bốn chân chắc khoẻ và có vuốt sắc. Đuôi dài và cứng như roi sắt. Hổ rất khoẻ và hung dữ.)*  - GV lưu ý HS một số vấn đề chínlì tả trong đoạn viết.  + Viết lùi đầu dòng. Viết hoa chữ cái đầu câu, kết thúc câu có dấu chấm.  + Chữ dễ viết sai chính tả: *loài, được.*  - GV yêu cầu HS ngồi đúng tư thế, cầm bút đúng cách.  - Đọc và viết chính tả:  + GV đọc từng câu cho HS viết. Mỗi câu cần đọc theo từng cụm từ :  *"Hổ là loài thú ấn thịt. Bốn chân/ chắc khoẻ/ và có vuốt sắc. /Đuôi dài/ và cứng như roi sắt./ Hổ rất khoẻ/ và hung dữ."*  - Mỗi cụm từ đọc 2-3 lần.  - GV cần đọc rõ ràng, chậm rãi, phù hợp với tốc độ viết của HS.  + Sau khi HS viết chính tả, GV đọc lại một lẩn toàn đoạn văn và yêu cầu HS rà soát lỗi.  + GV kiểm tra và nhận xét bài của một số HS.  **8. Tim trong hoặc ngoài bài đọc *Chúa tể rừng xanh* từ ngữ có tiếng chứa vần *ât, ác, oai, oay*** (9-10’)  - GV nêu nhiệm vụ và lưu ư HS từ ngữ cần t́m có thể có ở trong bài hoặc ngoài bài.  - GV viết những từ ngữ này lên bảng.  **9. Thông tin nào phù hợp với hổ, thông tin nào phù hợp với mèo? (5-6’)**  - GV gọi một vài HS đọc to các từ ngữ trong bảng.  - GV đưa ra câu hỏi theo cặp: *Hổ và mèo, con vật nào sổng trong rừng, con vật nào sống trong nhà?*  - Gọi một vài HS trả lời. Làm lần lượt với các cặp tiếp theo.  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV yêu cầu HS làm vào vở.  **10. Củng cố (3-4’)**  - GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính.  - GV tiếp nhận ý kiến phản hổi của HS về bài học.  - GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS | - 2 HS đọc  - HS nghe GV đọc viết bài vào vở  + HS đổi vở cho nhau để rà soát lỗi.  - HS làm việc nhóm đôi để tìm và đọc thành tiếng từ ngữ có tiếng chứa các vần *ăt, ăc, oai, oay.*  - HS nêu những từ ngữ tìm được.  - Một số (2 - 3) HS đánh vần, đọc trơn; mỗi HS chỉ đọc một số từ ngữ. Lớp đọc đổng thanh một số lần.  - HS làm việc nhóm: quan sát tranh, trao đổi để tìm các thông tin phù hợp với hổ và mèo.  - Hổ sống trong rừng.  - Mèo sống trong nhà.  - HS nêu ý kiến về bài học (hiểu hay chưa hiểu, thích hay không thích, cụ thể ở những nội dung hay hoạt động nào). |

**========================================**

**THỨ 6**

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày soạn: 28/03/2024 | Ngày dạy : 04/04/2025  Ngày điều chỉnh:……………. |

**BUỔI SÁNG**

**TIẾT 1 : TV (TT)**

**LUYỆN TẬP, THỰC HÀNH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Giúp HS:

- Củng cố và nâng cao một số kiến thức, kĩ năng đã học trong bài: *Loài chim của biển cả,* *Bảy sắc cầu vồng.* Thông qua thực hành nhận biết và đọc những tiếng có vần khó vừa được học; ôn và mở rộng vốn từ ngữ dùng để nói về thiên nhiên; thực hành đọc mở rộng một văn bản hay quan sát tranh về thiên nhiên, nói cảm nghĩ về văn bản hoặc tranh; thực hành nói và viết sáng tạo về một chủ điểm cho trước (thiên nhiên).

- Biết chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở

**II. CHUẨN BỊ**

- GV: Phương tiện dạy học SGV

- HS:SGK, VBT

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Luyện đọc**  Cho HS luyện đọc lại bài :  *Bài 1 : Loài chim của biển cả.*  *Bài 2 : Bảy sắc cầu vồng.*  - GV theo dõi nhận xét.  **2. Bài tập**  **Bài 1 : Chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở**  - GV trình chiếu các câu chưa hoàn thiện (có nhiều chỗ trống).  Con cá cần (...) để bơi.  Con chim cần (...) để bay.  Con hổ cẩn (...) để ở.  Con ong cần (...) để làm mật.  - Một số HS lựa chọn các từ ngữ gợi ý *(nước, bầu trời, rừng, hoa)* phù hợp với từng chỗ trống để hoàn thiện các câu đã cho.  **Bài 2:** Sắp xếp các từ ngữ thành câu và viết vào vở  - GV yêu cầu HS sắp xếp các từ ngữ trong từng dòng sau thành câu:  *vì sao, hàng ngàn, lấp lánh, trên bầu trời.*  - GV nêu nhiệm vụ và cho HS làm việc nhóm đôi để sắp xếp các từ ngữ thành câu.  - GV và HS thống nhất phương án đúng.  **3. Củng cố dặn dò**  - GV nhắc lại nội dung bài  - Dặn HS về luyện đọc viết ở nhà  - GV nhận xét tiết học | - HS luyện đọc theo yêu cầu của giáo viên  *- nước,*  *- bầu trời,*  *- rừng,*  *- hoa*  - Một số HS đọc thành tiếng những câu này.  - HS viết vào vở các câu hoàn thiện.  - HS làm việc nhóm đôi để sắp xếp các từ ngữ thành câu.  *+ Hàng ngàn vì sao lấp lánh trên bầu trời*.  + *Trên bầu trời, hàng ngàn vì sao lấp lánh*  - Một số (2 - 3) HS lên trình bày kết quả.  - HS viết vào vở các câu đã được sắp xếp đúng |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TIẾT 2: TIẾNG VIỆT (TT)**

**LUYỆN TẬP, THỰC HÀNH**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Giúp HS:

- Củng cố và nâng cao một số kiến thức, kĩ năng đã học trong bài: *Loài chim của biển cả,* *Bảy sắc cầu vồng, Chúa tể rừng xanh.* Thông qua thực hành nhận biết và đọc những tiếng có vần khó vừa được học; ôn và mở rộng vốn từ ngữ dùng để nói về thiên nhiên; thực hành đọc mở rộng một văn bản hay quan sát tranh về thiên nhiên, nói cảm nghĩ về văn bản hoặc tranh; thực hành nói và viết sáng tạo về một chủ điểm cho trước (thiên nhiên).

- Biết chọn từ ngữ để hoàn thiện câu và viết câu vào vở

**II. CHUẨN BỊ**

- GV: Phương tiện dạy học SGV

- HS:SGK, VBT

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Luyện đọc**  - Cho HS đọc lại các bài :  *Bài 1 : Loài chim của biển cả*  *Bài 2 : Bảy sắc cầu vồng*  *Bài 3 : Chúa tể rừng xanh*  2. Bài tập  Bài 3. CHÚA TỂ RỪNG XANH  Đọc đoạn văn, kết hợp từ ngữ ở A và B cho phù hợp  - GV trình chiếu đoạn văn và cho một số (2 - 3) HS đọc thành tiếng đoạn văn: *Mèo và hô có nhiều điểm giống nhau. Hình dáng mèo giống hình dáng một con hổ nhỏ. Mèo có tai thính và mắt tinh như hô. Hổ giỏi chạy nhảy và rình vồ môi, mèo cũng vậy. Hổ to khoẻ hơn mèo nhưng lại thua mèo ở khả năng leo trèo.*  - GV trình chiếu bảng (không có vết nối):  - GV và HS thống nhất các kết nối đúng, tạo thành những câu trọn vẹn.     |  |  |  | | --- | --- | --- | | A |  | B | | Hình dáng mèo |  | Có nhiều điểm giống nhau | | Mèo và hổ |  | Giống hình dáng một con hổ | | Tai mèo |  | Rất tinh | | Hổ thua mèo |  | Rất thính | | Mắt mèo |  | Ở khả năng lao |   **\* Củng cố dặn dò**  - GV nhắc lại nội dung bài  -Dặn HS về luyện đọc viết ở nhà  - GV nhận xét tiết học. | - HS luyện đọc và trả lời câu hỏi về nội dung bài      - HS làm việc nhóm đôi, trao đổi để lựa chọn từ ngữ ở A kết nối với từ ngữ ở B cho phù hợp. Sau đó, mỗi HS thực hiện việc nối các từ ngữ ở A và B trong vở.  - Một số (2 - 3) HS trình bày kết quả.  - HS đối chiếu với kết quả làm bài của mình để tự đánh giá. |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TIẾT 3: TOÁN**

**PHÉP TRỪ DẠNG 39 -15 (tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức kĩ năng**

- Biết cách đặt tính và thực hiện phép trừ trong phạm vi 100 (trừ không nhớ dạng 39 - 15).

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép trừ đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

**2. Phẩm chất**

-Góp phần hình thành và phát triển phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực

**3. Năng lực**

- Góp phần hình thành và phát triển các NL toán học: NL giao tiếp toán học, NL tư duy và lập luận toán học, NL giải quyết vấn đề toán học

**II. CHUẨN BỊ**

- Các thẻ thanh chục và khối lập phương rời như SGK hoặc các thẻ chục que tính và các thẻ que tính rời trong bộ đồ dùng học toán; bảng con.

- Một số tình huống đơn giản có liên quan đến phép trừ trong phạm vi 100.

- SGK, Bảng con

**III.** **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG DẠY** | **HOẠT ĐỘNG HỌC** |
| **A. Hoạt động khởi động (5P)**  1. HS chơi trò chơi “Truyền điện” củng cố kĩ năng trừ nhẩm trong phạm vi 10, trừ dạng 17-2.  2. HS hoạt động theo nhóm và thực hiện lần lượt các hoạt động sau:  - Yêu cầu HS quan sát bức tranh (trong SGK hoặc trên máy chiếu).  - HS thảo luận nhóm bàn:  + Bức tranh vẽ gì?  + Nói với bạn về các thông tin quan sát được từ bức tranh. Bạn nhỏ trong bức tranh đang thực hiện phép tính 39 - 15 = ? bằng cách thao tác trên các khối lập phương. | - HS chơi trò chơi  - HS quan sát tranh thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi  - Chia sẻ thông tin |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức (15-17P)**  1. *HS tính 39-15 = ?*  - Thảo luận nhóm về cách tìm kết quả phép tính 39 - 15 = ? (HS có thể dùng que tính, có thề dùng các khối lập phương, có thể tính nhẩm, ...).  - Đại diện nhóm nêu cách làm. | - HS thảo luận nhóm  - Đại diện nêu kết quả |
| 2. *GV hướng dẫn cách đặt tính và thực hiện* phép cộng dạng 39 - 15 = ?  - HS đọc yêu cầu: 39 - 15 = ?  - HS quan sát GV làm mẫu:  + Đặt tính thẳng cột, hàng đơn vị thẳng hàng đơn vị, hàng chục thẳng hàng chục.  + Thực hiện tính từ phải sang trái:  • Trừ đơn vị cho đơn vị.  • Trừ chục cho chục.  - GV chốt lại cách thực hiện, đề nghị một vài HS chỉ vào phép tính nhắc lại cách tính.  3.*GV viết một phép tính khác lên bảng.* Chẳng hạn: 63 - 32 = ?  - HS lấy bảng con cùng làm với GV từng thao tác: đặt tính, trừ từ phải sang rrái, đọc kết quả.  - HS đổi bảng con nói cho bạn bên cạnh nghe cách đặt tính và tính của mình.  - GV lấy một số bảng con đặt tính chưa thẳng hoặc tính sai để nhấn mạnh lại cách đặt tính rồi viết kết quả phép tính cho HS nắm chắc | - HS nêu yêu cầu  - Quan sát GV làm mẫu  - HS lắng nghe và nhắc lại  - Hs thực hiện ở bảng con  -HS trao đổi cách làm |
| 4. HS thực hiện một số phép tính khác để củng cố cách thực hiện phép tính dạng 39 - 15 = ?  **C. Hoạt động thực hành, luyện tập (7-8p)** | - HS thực hiện |
| **Bài 1**  - GV hướng dẫn HS cách làm, có thể làm mẫu 1 phép tính.  - HS tính rồi viết kết quả phép tính vào vở.  - HS đổi vở kiểm tra chéo, nói cách làm cho bạn nghe.  - HS nhắc lại cách đặt tính dọc, quy tắc trừ từ phải sang trái, viết kết quả thẳng cột. | - HS lắng nghe  - HS làm vào vở  - HS nhắc lại cách đặc tính |
| **D. Hoạt động vận dụng (5P)**  HS tìm một số tình huống trong thực tế liên quan đến phép trừ đã học. Chẳng hạn: Tuấn có 37 viên bi, Tuấn cho Nam 12 viên bi. Hỏi Tuấn còn lại bao nhiêu viên bi?  **E. Củng cố, dặn dò (3-5P)**  - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? Khi đặt tính và tính em nhắn hạn cần lưu ý những gì?  - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép trừ đã học, đặt ra bài toán cho mỗi tình huống đó. | - HS thực hành  - HS chia sẻ cuối bài |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TIẾT 4: HĐ TRẢI NGHIỆM**

**SINH HOẠT LỚP**

**TÌM HIỂU KHÓ KHĂN CỦA BẠN**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Kiến thức kĩ năng**

- Biết được khó khăn của các bạn vùng sâu, vùng xa.

- Tích cực tham gia các hoạt động nhân ái, sẻ chia.

- HS biết và đánh giá được những hạn chế và những điều cần phát huy trong các hoạt động học tập và rèn luyện trong tuần

- Bước đầu tự giác thực hiện nề nếp sinh hoạt.

**2. Phẩm chất**

- Tự tin, đoàn kết,yêu quý cảnh đẹp quê hương đất nước.Nâng cao tinh thần hiếu học, tính tích cực hoạt động của học sinh. Nhân ái yêu thương bạn bè

**3. Năng lực**

- Hình thành và phát triển năng lực tự chủ, giao tiếp và hợp tác, năng lực ngôn ngữ.

**II. CHUẨN BỊ:**

- Kết quả học tập, rèn luyện của cả lớp trong tuần

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG TIẾN HÀNH:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1.Ổn định: Hát**  **2. Các bước sinh hoạt:**  **2.1. Nhận xét trong tuần 29**  - GV yêu cầu các trưởng ban báo cáo:  *+Đi học chuyên cần:*  *+ Tác phong , đồng phục .*  *+ Chuẩn bị bài,* *đồ dùng học tập*  *+ Vệ sinh.*    + GV nhận xét qua 1 tuần học:  *\* Tuyên dương:*  - Vương, Lệ.....  *\* Nhắc nhở:*  - Nguyên,My, chưa chịu khó trong học tập.  ***2.2.Phương hướng tuần 30***  - Thực hiện dạy tuần 30, GV bám sát kế hoạch chủ nhiệm thực hiện.  *-* Tiếp tục thực hiện nội quy HS, thực hiện ATGT, ATVSTP.  - Thực hiện tốt các phong trào lớp, trường, triển khai chủ điểm mới.  ***2.3. Tìm hiểu khó khăn của bạn.***  - GV cung cấp cho HS một số thông tin (xem tranh, ảnh, các video clip) về những khó khăn, gian khổ của nhân dân và HS các vùng bị bão lụt, lũ quét.  - Nêu ý nghĩa, mục đích của phong trào “Nhân ái, sẻ chia” (hoạt động thiện nguyện.  - Cho HS hoạt động nhóm chia sẻ nội dung:  + Làm thế nào để giúp đỡ các bạn vùng khó khăn?  + Các hoạt động sẽ tham gia để thực hiện phong trào “Nhân ái, sẻ chia”.  - GV thành lập tiểu ban quyên góp quà tặng giúp đỡ, ủng hộ các bạn HS vùng khó khăn, vùng bị thiên tai, bão lũ của lớp.  - Hướng dẫn HS chuẩn bị một số quà tặng giúp đỡ, ủng hộ các bạn HS vùng khó khăn, vùng bị thiên tai, bão lũ. | - Các trưởng ban, phó ban, phụ trách các hoạt động của ban mình tổng hợp kết quả theo dõi trong tuần.  + Trưởng ban nề nếp báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng ban học tập báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng văn nghệ báo cáo kết quả theo dõi  + Trưởng ban vệ sinh báo cáo kết quả theo dõi  - Lắng nghe để thực hiện.  - Lắng nghe để thực hiện.  - Lắng nghe để thực hiện.  - HS xem video  - HS lắng nghe  - HS làm việc theo nhóm thảo luận cách giúp đỡ các bạn vùng khó khăn.  - HS trong tiểu ban đứng lên quyên góp quà tặng giúp đỡ, ủng hộ các bạn HS vùng khó khăn, vùng bị thiên tai, bão lũ của lớp.  - Theo dõi, thực hiện. |

-----------------------------------------------------------------------------